

Số: 11/NQ-HĐND

TP. Sóc Trăng, ngày 14 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 21 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý.

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng); Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025

các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng sau điều chỉnh, bổ sung là 989.818.900.000 đồng với 110 dự án, gồm:

- Vốn phân cấp ngân sách thành phố: 627.137.000.000 đồng với 80 dự án.
- Vốn kết dư ngân sách thành phố: 64.085.900.000 đồng với 05 dự án.
- Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 298.596.000.000 đồng với 25 dự án, trong đó:
 - + Từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết: 241.520.000.000 đồng với 21 dự án.
 - + Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất: 14.610.000.000 đồng với 01 dự án.
 - + Từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020: 14.570.000.000 đồng với 01 dự án.
 - + Từ nguồn tỉnh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách thành phố từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công: 27.206.000.000 đồng với 01 dự án.
 - + Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021: 690.000.000 đồng với 01 dự án

(Chi tiết theo Phụ lục, Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII đính kèm)

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khóa XII, kỳ họp thứ 21 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Các Sở: Sở Tư pháp; Tài chính;
- Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị TPST);
- TT.TU; TT.HĐND, UBND và UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành TP;
(Đảng, chính quyền, đoàn thể)
- TT.HĐND và UBND các phường;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kiều Linh



Phụ lục

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
TỪ NGUỒN VỐN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Tổng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Tổng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung
			Tăng (+)	Giảm (-)	
	Tổng số	943.738,900	47.780,000	-1.700,000	989.818,900
1	Nguồn vốn phân cấp ngân sách thành phố	627.137,000	0,000	0,000	627.137,000
	Cân đối	183.137,000	0,000	0,000	183.137,000
	Sử dụng đất	444.000,000	0,000	0,000	444.000,000
2	Nguồn kết dư ngân sách thành phố	64.085,900	0,000	0,000	64.085,900
3	Nguồn vốn tinh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thành phố	252.516,000	47.780,000	-1.700,000	298.596,000
3.1	Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021	690,000	0,000	0,000	690,000
3.2	Từ nguồn Xổ số kiến thiết	195.440,000	47.780,000	-1.700,000	241.520,000
3.3	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất	14.610,000	0,000	0,000	14.610,000
3.4	Nguồn tinh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách thành phố từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công	27.206,000	0,000	0,000	27.206,000
3.5	Tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020	14.570,000	0,000	0,000	14.570,000

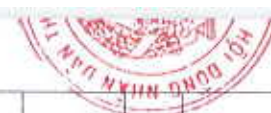
Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN WÓNPHÂN CẤP THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

Ngày ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Địa điểm XD	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ số
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
		TỔNG SỐ				591.175,000	591.175,000		601.428,455	586.428,322	-	627.137,000	-	-	627.137,000		
A		NGUỒN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ				185.547,000	185.547,000		197.749,982	192.749,982	-	183.137,000	-	-	183.137,000		
I		Chuẩn bị đầu tư										6.825,756			6.825,756		
II		Thực hiện dự án				185.547,000	185.547,000		197.749,982	192.749,982	-	172.138,073	-	-	172.138,073		
		Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp															
I		Xây dựng Trường Tiểu học Lý Đạo Thành thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Cải tạo khối trung tâm văn hóa thể thao phường 5 thành khối hành chính quản trị và phòng chức năng	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.500,000	14.500,000		14.497,512	14.497,512		13.952,129	-	-	13.952,129		
		Lĩnh vực Giao thông				116.675,000	116.675,000		116.743,580	111.743,580	-	106.062,883	-	-	106.062,883		
I		Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ UBND phường 5 đến cây xăng Nam Sông Hào), phường 5, thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Tổng chiều dài 1.800 m, bề rộng mặt đường 12 m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa dày 7 cm, sơn tìm đường và nâng hố ga	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.300,000	14.300,000		13.248,772	13.248,772		12.089,012			12.089,012		
2		Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ cầu C247 đến đường Nguyễn Chí Thanh), phường 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Tổng chiều dài 340m, bề rộng mặt đường 12 m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa dày 7cm, sơn tìm đường và nâng hố ga	Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	3.200,000	3.200,000		2.857,105	2.857,105		2.484,728			2.484,728		
3		Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo đoạn còn lại thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài tuyến dài khoảng 755m, Lấp bê tông nhựa C13,5, dày 7cm	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	7.600,000	7.600,000		7.328,784	7.328,784		6.655,017			6.655,017		
4		Cải tạo, nâng cấp đường Trần Thủ Độ thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Tổng chiều dài tuyến 520m; bề rộng nền đường 7m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, Thoát nước, chiếu sáng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	3.500,000	3.500,000		3.314,307	3.314,307		2.943,925			2.943,925		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tăng (+)	Giảm (-)		
5	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Đình Của (Đoạn từ: Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m, Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	11.750,000	11.750,000	11.606,256	11.606,256	9.707,234	9.707,234			9.707,234		
6	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspéro (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Mở rộng mặt bờ kè vi tri lỗi lên xuống hiện hữu bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt; Lát mới nền đá granite nhám khô; Mở rộng mặt san bờ kè rộng thêm 3,0m	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950,000	9.950,000	14.950,000	14.950,000	9.140,763	9.140,763			9.140,763		
7	Cải tạo, nâng cấp Cầu 19/5 phường 5, công Thành niên và cải tạo đường kênh Trường Thọ phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Cải tạo cầu Thành niên, đường Lý Thành Tông mỗi dài; Cải tạo cầu 19/5	Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	5.000,000	5.000,000	4.534,773	4.534,773	4.534,000	4.534,000			4.534,000		
8	Đường cấp kênh 30/4 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hồ đến Khu dân cư Minh Châu), phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng 750m, bề rộng mặt đường 10,5m; Mặt đường láng nhựa đá dăm; chiếu sáng, thoát nước	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.975,000	14.975,000	14.329,571	14.329,571	13.846,204	13.846,204			13.846,204		
9	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Lê Duẩn đến Chùa Đai Giác), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Chiều dài tuyến: 789m; Lốp bê tông nhựa C12.5 dày 7cm; Tưới nhựa định hình, tiêu chuẩn nhựa 0.5 kg/m ²	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	5.000,000	5.000,000	4.983,973	4.983,973	4.983,000	4.983,000			4.983,000		
10	Cải tạo mặt đường Cao Thắng (đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết khóm dài đưa ghe ngo), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 650m, Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	6.900,000	6.900,000	6.900,000	6.900,000	6.555,000	6.555,000			6.555,000		
11	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hoàng Chu (đoạn từ giáp đường Võ Văn Kiệt đến Km0+550m) phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Quy mô tuyến đường Lê Hoàng Chu: chiều dài 550m; Quy mô đường nhám, chiều dài 80 m; Thảm bê tông như nóng C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000			10.000,000		
12	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thánh Tông (đoạn từ đường Hùng Vương đến Trám Y Tê) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Đoạn từ đường Hùng Vương đến công Thành Niên L: 270m; Đoạn từ công Thành niên đến Trám Y Tê phường 6 L: 80m; Thảm bê tông nhựa C12.5 dày 7cm	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	7.300,000	7.300,000	7.300,000	7.300,000	6.394,000	6.394,000			6.394,000		

TT	Định mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HIT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 mới điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
13	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trương Công Định đến cầu Chữ Y) phường 2, thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Chiều dài 470m; bề rộng 26m. Bề tổng nhựa C12.5 dày trung bình 3cm	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	7.800,000	7.800,000	7.800,000	6.050,565	6.050,565	7.800,000			7.800,000	
14	Cải tạo, nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ hẻm 129 đến đường Lê Duẩn), phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1075m; bề rộng nền đường 18m. Lớp bê tông nhựa C12.5 dày 7cm	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	9.400,000	9.400,000	9.400,000	9.339,474	9.339,474	8.930,000			8.930,000	
	Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển Nông thôn					3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000			3.600,000	
1	Cải tạo, nâng cấp đơn kê và công kênh Nhân Lực đường Lý Thường Kiệt, phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Công hợp tại kênh Nhân Lực	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 2/10/2022	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000			3.600,000	
	Lĩnh vực Quản lý nhà nước					19.120,000	19.120,000	19.120,000	18.225,221	18.225,221	18.442,061			18.442,061	
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thể Thao thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Cải tạo nhà thi đấu diện tích 1.391m ² , sân nội bộ, bồn hoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	1.920,000	1.920,000	1.920,000	1.866,241	1.866,241	1.684,411			1.684,411	
2	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Cải tạo Khối hành chính (01 trệt, 01 lầu), khối phòng giao viên (01 trệt), hội trường, khu vệ sinh, ...	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	2.800,000	2.800,000	2.800,000	2.677,980	2.677,980	2.357,650			2.357,650	
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Chính trị Thành ủy Sóc Trăng	TPST	2021-2025	DT khu đất: 3.785,2 m ² - Công - hàng rào: 38 m ² - Sân đường - thoát nước: 904 m ² - Khối Nhà làm việc: 1.088 m ²	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 05/5/2023	14.400,000	14.400,000	14.400,000	13.681,000	13.681,000	14.400,000			14.400,000	
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					31.157,000	31.157,000	31.157,000	29.688,670	29.688,670	30.081,000	0,000	0,000	30.081,000	
1	Cải tạo Kênh 8m thành Công viên phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Công viên: nền lót gạch trứ chèn kết hợp với nền đá granite; Bê tông 03 bãi xe; Nhà vệ sinh công cộng	Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.980,000	14.980,000	14.980,000	13.904,151	13.904,151	13.904,000			13.904,000	
2	Cải tạo vỉa hè đường Võ Văn Kiệt và trang trí công chào (đoạn từ vòng xoay Quốc lộ 60 đến ngã ba Trà Miên), phường 7, thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Vỉa hè, HITIN, chiếu sáng, lắp đặt công chào	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	9.656,000	9.656,000	9.656,000	9.656,000	9.656,000	9.656,000			9.656,000	
3	Xây dựng hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Phạm Hùng (đoạn từ đường Colluso đến đường Vĩnh Đại I), phường 8, thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	L:450m, vỉa hè, cây xanh	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	6.521,000	6.521,000	6.521,000	6.128,519	6.128,519	6.521,000			6.521,000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã ghi	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ chi
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
III	Thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán											1.000.000				1.000.000	
IV	Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh tổng mức đầu tư											3.173,171				3.173,171	
B	NGUỒN VỐN THU SỬ DỤNG ĐẤT					405.628,000	405.628,000			403.678,474	393.678,340					444.000,000	
I	Chuẩn bị đầu tư															13.174,244	
II	Thực hiện dự án					405.628,000	405.628,000			403.678,474	393.678,340					349.227,187	
	Linh vực Giao thông					203.687,000	203.687,000			202.045,320	197.045,186					169.831,333	
1	Cải tạo mặt đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Điện Biên Phủ), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Tổng chiều dài 208 m, bề rộng mặt đường từ 8,5m đến 9 m,	Nghi quyết số 1483 /QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.100.000	1.100.000			1.023,037	1.023,037					878,424	
2	Cải tạo mặt đường Đường Văn Viên (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đầu Hẻm 5), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 187m, bề rộng mặt đường 5,5m đến 6m,	Nghi quyết số 139/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	610.000	610.000			558,643	558,643					484,710	
3	Cải tạo mặt đường Kênh Xăng (đoạn từ đường Võ Đình Sâm đến đường Cotuso), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 2.110m, bề rộng mặt đường từ 4m đến 6m,	Nghi quyết số 136/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	5.600.000	5.600.000			5.166,795	5.166,795					4.916,941	
4	Nâng cấp, sửa chữa cầu C247 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, thay thế và khôi phục tiết diện chịu lực cho các kết cấu hư hỏng chiều dài cầu 60 mét,	Nghi quyết số 134/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	14.940.000	14.940.000			14.940,000	14.940,000					14.458,384	
5	Nâng cấp, sửa chữa cầu 30/4 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, thay thế và khôi phục tiết diện chịu lực cho các kết cấu hư hỏng chiều dài cầu 60 mét,	Nghi quyết số 133/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	14.950.000	14.950.000			14.950,000	14.950,000					14.460,073	
6	Cải tạo mặt đường Ba Triệu, phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 338 m, bề rộng mặt đường từ 4,3m đến 4,7m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa	Nghi quyết số 137/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	900.000	900.000			805,593	805,593					701,156	



TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ chủ
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tăng (+)	Giảm (-)		
7	Cải tạo mặt đường Kênh Hồ Nước Ngọt, phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Tổng chiều dài 1.563m, bề rộng nền đường 6m (lồng đường 5m, lề mỗi bên 0,5x2m),	Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	6.500.000	6.500.000	Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.500.000	6.500.000		6.270.655			6.270.655	
8	Cải tạo mặt đường Trần Văn Hòa, phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	tổng chiều dài 376m, bề rộng mặt đường từ 5,5m 6m,	Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.200.000	1.200.000	Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	985.643	985.643		861.557			861.557	
9	Cải tạo mặt đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Tổng chiều dài 520 m, bề rộng mặt đường 6,5m,	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	2.000.000	2.000.000	Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.795.243	1.795.243		1.677.260			1.677.260	
10	Nâng cấp Hẻm 962 (đoạn từ đường Văn Kiệt đến km0+550m) phường 10, thành phố Sóc Trăng	P10	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: L= 550m, bề rộng nền đường 14m kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa,	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.980.000	14.980.000	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.939.340	14.939.340		13.681.000			13.681.000	
11	Cải tạo nâng cấp hẻm 36 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hồ đến đường Kênh 30(4) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Chiều dài tuyến: L= 322m; Mặt đường rộng: 8m, lề đường 1,5m x 2;	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	7.500.000	7.500.000	Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	6.626.075	6.626.075		5.717.664			5.717.664	
12	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1980m	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	8.300.000	8.300.000	Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.266.718	8.266.718		7.390.015			7.390.015	
13	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới 02 cầu đường Chông Chá, phường 5, thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến: 5300m; Xây mới 2 cầu: cầu kènh 77 và cầu kènh 2/9	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	7.000.000	7.000.000	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	6.996.738	6.996.738		6.504.123			6.504.123	
14	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 9B Khu dân cư 9A) phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Phần đường: tổng chiều dài tuyến 2000m, mặt đường phân xe chạy rộng 9m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, kẻ vạch tìm đường	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.900.000	14.900.000	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.896.812	14.896.812		14.136.350			14.136.350	
15	Nâng cấp, mở rộng đường Văn Ngọc Chính (đoạn từ trường Tiểu học Lê Hồng Phong đến cầu Tà Lách), phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng 820m, bề rộng đường 15m; Mặt đường láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	14.990.000	14.990.000	Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.900.000	14.900.000		14.682.480			14.682.480	
16	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Đinh Cúa (Đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m. Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	11.750.000	11.750.000	Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	11.606.256	11.606.256		891.853			891.853	



TT	Điểm XD	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giải ngân giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giải ngân 2021-2025 theo điều chỉnh	Chỉ chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
17	TPST	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspero (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Mở rộng mặt bờ kè vì lợi ích lên xuống hiện hữu bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt;	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950.000	9.950.000	9.950.000	14.950.000	9.950.000	402.188	402.188					
18	P4	Thảm nhựa mặt đường 9B Khu dân cư 5A (đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường Lý Thường Kiệt), phường 4 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.146m; Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm; Tươi nhựa định bảm, tiêu chuẩn nhựa 0.5 kg/m ² .	Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.750.000	14.750.000	14.713.733	14.713.733	14.713.733	14.713.000	14.713.000					
19	P4	Thảm nhựa mặt đường 9A Khu dân cư 5A (đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường 9B Khu dân cư 5A), phường 4 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.123m; Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm; Tươi nhựa định bảm, tiêu chuẩn nhựa 0.5 kg/m ² .	Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.860.000	14.860.000	10.852.105	10.852.105	10.852.105	10.852.000	10.852.000					
20	P6	Cải tạo, nâng cấp đường cấp kênh 30/4 (từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Vành đai I), phường 6 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	L=1.210m, rộng 7,5m, đá dăm láng nhựa. Thoát nước, vỉa hè, cây xanh	Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.980.000	14.980.000	14.974.134	14.974.134	14.974.000	14.974.000	14.974.000					
21	TPST	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Văn Bảy (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 30/4), phường 3 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1020m; Tải trọng: Mặt đường Láng nhựa, Sơn vạch kẻ đường; Làm mới hệ thống thoát nước, Lam mới vỉa hè	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 23/10/2021	14.990.000	14.990.000	14.988.455	14.988.455	14.988.455	14.240.500	14.240.500					
22	P1	Xây dựng đường D1 (đoạn từ đường Phan Văn Chiêu đến Km0+750m), phường 1, thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Đường có chiều dài 755m, láng nhựa đá dăm nước; HTTN dọc 2 bên bằng BTCT	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	6.937.000	6.937.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.937.000	6.937.000					
		Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn				34.625.000	34.625.000	34.022.457	34.022.457	34.022.457	19.364.905	19.364.905					
1	P9	Gia cố mái taluy kênh Nhân Lực (từ đường Mạc Đĩnh Chi đến kênh C6 Bắc), phường 9 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Tường chắn đất dài 23 mét đoạn giáp nối bên phải tuyến với công qua đường Mạc Đĩnh Chi bằng BTCT dày 25cm, móng dồng cọc BTCT 25x25 dài 8 mét	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 15/11/2021	8.800.000	8.800.000	8.800.000	8.800.000	8.800.000	7.764.198	7.764.198					
2	P1,8	Cải tạo, nâng cấp mở rộng 02 bên bờ kè sông Maspero phường 1, phường 8 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài 280m, cải tạo bờ kè, cầu lát, lõi bờ hành	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 03/9/2023	14.725.000	14.725.000	14.304.101	14.304.101	14.304.101	682.707	682.707					
3	P9	Gia cố sát lở kè đường Kênh 3/2 (tại vị trí công đường Bạch Đằng), phường 9 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Gia cố kè kênh 3/2 dài 68,2m, đường đai tại vị trí công dài 64m, rộng 4m	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	2.800.000	2.800.000	2.618.356	2.618.356	2.618.356	2.618.000	2.618.000					

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
4	Dự án Kè gia cố bờ kênh 30/4 (đoạn từ Trạm y tế phường 6 đến đường Huỳnh Phan Hộ), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2023-2025	Chiều dài kè gia cố mái kênh: khoảng 1.060m, thoát nước, via hè, HTCS	Nghi quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	8.300,000	8.300,000	Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	8.300,000	8.300,000	8.300,000			8.300,000	
	Lĩnh vực Văn hóa					22.299,000	22.299,000		22.272,740	22.272,740	20.951,107			20.951,107	
1	Trang trí Cầu C247, Cầu 30 tháng 4 có bề rộng 12 mét, chiều dài 60 mét, Trang trí Cầu Maspéro có bề rộng 14m, chiều dài 93m,	TPST	2021-2025		Nghi quyết số 135/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	12.200,000	12.200,000	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	12.173,740	12.173,740	11.784,744			11.784,744	
2	Xây dựng Cổng chào và trang trí các tuyến đường Phạm Hùng, đường 30 Tháng 4, đường Mạc Đĩnh Chi	TPST	2021-2025	Cổng chào đường 30 tháng 4 giáp Mỹ Xuyên, đường Phạm Hùng, đường Mạc Đĩnh Chi	Nghi quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	7.700,000	7.700,000	Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	7.700,000	7.700,000	7.044,098			7.044,098	
3	Trang trí bờ kè và hệ lan can đến Lối nghệ thuật (đoạn từ cầu C247 đến cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Tổng chiều dài 673m	Nghi quyết số 67/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	2.399,000	2.399,000	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	2.399,000	2.399,000	2.122,265			2.122,265	
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					65.768,000	65.768,000		66.955,873	61.955,874	62.650,518			62.650,518	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Hẻm 308, đường Trần Hưng Đạo, phường 10, thành phố Sóc Trăng	P10	2021-2025	Tổng chiều dài 273 m, rộng 2,5 m, kết cấu mái hèm bê tông cốt thép dày 10 cm; HTTN dọc tuyến	Nghi quyết số 125/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	830,000	830,000	Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	830,000	830,000	718,898			718,898	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Hẻm 385 (đoạn con lạt), đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Tổng chiều dài 423,5 m, bề rộng mặt hèm 3,0 m, kết cấu mái hèm bê tông cốt thép dày 08 cm; HTTN dọc tuyến	Nghi quyết số 126/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.150,000	1.150,000	Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.150,000	1.150,000	996,017			996,017	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước các hẻm trên địa bàn phường 7, thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Cải tạo, nâng cấp 05 hèm trên địa bàn phường 07	Nghi quyết số 130/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	2.880,000	2.880,000	Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.546,839	2.546,939	2.305,560			2.305,560	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước các hẻm trên địa bàn phường 8, thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Cải tạo, nâng cấp 07 hèm trên địa bàn phường 8	Nghi quyết số 128/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	2.390,000	2.390,000	Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.390,000	2.390,000	2.174,407			2.174,407	
5	Lắp đặt hệ thống đèn Led đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Ủy ban nhân dân phường 5 đến giáp đường Chông Cháo) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Lắp đặt 63 trụ đèn, cần đèn và bóng đèn	Nghi quyết số 151/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	3.250,000	3.250,000	Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.250,000	3.250,000	3.200,382			3.200,382	
6	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	Nghi quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950,000	9.950,000	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	9.950,000	8.748,254			8.748,254	

TT	Danh mục dự án	Biểu đồ	Thời gian RC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ chỉ
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
7	Cải tạo chống ngập khu vực trước bến xe khách đường Lê Duẩn, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2023	diện tích khoảng 1.940 m ² ; Thảm bê tông nhựa nóng C12,5; Xây dựng hệ thống thoát nước bằng công nghệ tấm D600	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	1.000,000	1.000,000	1619/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	671,260	671,260	671,000			671,000	
8	Cải tạo, sửa chữa và thay thế bóng đèn Led tuyến đường Trần Hưng Đạo - Hai Bà Trưng - Lê Lợi thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Thay 275 bóng đèn Led; Đầu tư hệ thống cấp ngầm CXV/DSTA 3x16 mm ² luôn trong ống HDPE đi ngầm dưới lòng đất cho đoạn lắp	Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	4.921,000	4.921,000	Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.914,569	4.914,569	4.914,000			4.914,000	
9	Thay thế bóng đèn Led các tuyến đường cấp hai bờ sông Maspero - Tuyến đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đầu Voi đến đường 9B) - Tuyến đường Điện Biên Phủ (đoạn từ giáp Cầu Chừ Y đến giáp cầu Maspero)	TPST	2021-2025	Thay 403 bóng đèn Led; Đầu tư hệ thống cấp ngầm CXV/DSTA 3x16 mm ² luôn trong ống HDPE đi ngầm dưới lòng đất cho đoạn lắp	Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	4.700,000	4.700,000	Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.695,754	4.695,754	4.695,000			4.695,000	
10	Cải tạo vỉa hè đường Lê Duẩn (đoạn từ vòng xoay Phú Lợi đến vòng xoay Mạc Đĩnh Chi), phường 3, phường 9 thành phố Sóc Trăng	P3,9	2021-2025	L=2.280m; Lốp vỉa hè lòng M75 dày 3cm; Lốp cấp phối loại 2 dày 10cm	Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	6.500,000	6.500,000	Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 31/1/2021	6.500,000	6.500,000	6.175,000			6.175,000	
11	Cải tạo, nâng cấp chống ngập úng tại vòng xoay đường Lê Duẩn - Lê Hồng Phong, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Xây dựng trạm bơm điện khu vực cửa và cống thoát nước đường Lê Duẩn tại kênh Hiltch	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	7.200,000	7.200,000	Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	7.200,000	7.200,000	7.055,000			7.055,000	
12	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ Đường Dương Kỳ Hiệp đến đường Trần Thủ Độ), phường 2, phường 10, thành phố Sóc Trăng	P2-10	2021-2025	XD HTTN mặt đường, chiều dài bên tuyến 1.925m, bên phải 1.915 m, năm rãnh BTCT	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.660,000	14.660,000	Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	13.956,000	13.956,000	14.660,000			14.660,000	
13	Cải tạo hệ thống thoát nước đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến cầu Khánh Hưng), phường 2, thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	L=750m, mặt đường B-3m, băng BTCT; Thoát nước D400 dọc tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	5.397,000	5.397,000	Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	2.997,000	2.997,000	5.397,000			5.397,000	
14	Cải tạo vỉa hè đường Điện Biên Phủ (đoạn từ Cầu Chừ Y đến đường Yết Kiêu), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Mở rộng vỉa hè, sân nền chiếu sáng	Nghị quyết số 25/10/2024	940,000	940,000	Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	904,352	904,352	940,000			940,000	
1	Xây dựng công hàng rào, sân đường, nhà xe một số trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Hàng rào, sân đường, nhà xe	Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	4.200,000	4.200,000	Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	4.199,514	4.199,514	3.941,947			3.941,947	
2	Xây dựng Trường Tiểu học phường 6 thành phố Sóc Trăng (giai đoạn 2)	P6	2021-2025	Xây dựng khối 15 phòng học, 1 trệt, 2 lầu, tường BTCT, mái tole, nền gạch ceramic	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.965,000	14.965,000	Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.965,000	14.965,000	14.960,000			14.960,000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
3	Xây dựng các phòng chức năng Trường Tiểu học phường 5 thành phố Sóc Trăng (điểm Chông Cháo)	P5	2021-2025	Xây mới các phòng chức năng	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	5.730,000	5.730,000	5.730,000	5.730,000	5.730,000	5.730,000			5.730,000	
	Quản lý nhà nước					54.354,000	54.354,000	53.487,571	53.487,571		51.797,377		0,000	51.797,377	
1	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân nhóm 3, phường 2, thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân nhóm 3 và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.500,000	1.500,000	1.500,000	1.500,000	1.500,000	1.401,939			1.401,939	
2	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 2, Ủy ban nhân dân phường 3, Ủy ban nhân dân phường 4 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	851,000	851,000	851,000	851,000	851,000	772,001			772,001	
3	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 9, Ủy ban nhân dân phường 10 thành phố Sóc Trăng	P9,10	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.513,000	1.513,000	1.451,764	1.451,764	1.451,764	1.290,260			1.290,260	
4	Cải tạo sửa chữa trụ sở các nhóm trên địa bàn phường 6, phường 7, phường 8, phường 9, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P6,7,8,9,10	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	4.565,000	4.565,000	4.098,439	4.098,439	4.098,439	3.438,172			3.438,172	
5	Cải tạo sửa chữa trụ sở các nhóm trên địa bàn phường 2, phường 3, phường 4, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.812,000	1.812,000	1.673,124	1.673,124	1.673,124	1.289,300			1.289,300	
6	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đôi phường 2, phường 3, phường 4 phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	629,000	629,000	629,000	629,000	629,000	556,796			556,796	
7	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đôi phường 7, phường 8, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P7,8,10	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.030,000	1.030,000	830,243	830,243	830,243	726,909			726,909	
8	Xây dựng Phòng Truyền thống và Thông tin thuộc Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh TP Sóc Trăng	P9	2021-2025	Diện tích đất xây dựng: 437,3 m ² . - Xây dựng trụ sở Đài truyền thanh (gồm 01 trệt, 02 lầu) và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	9.630,000	9.630,000	9.630,000	9.630,000	9.630,000	9.630,000			9.630,000	
9	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Diện tích khu đất: 2.979,70 m ² ; Diện tích đất xây dựng: 411,38m ² . Diện tích sàn xây dựng 1.239,48m ² , gồm 01 trệt, 02 lầu và các hạng mục phụ trợ trên	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	14.997,000	14.997,000	14.997,000	14.997,000	14.997,000	14.997,000			14.997,000	



TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điểm chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chú chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
I0	Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân các phường trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	LĐ hệ thống PCCC	06/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	2.230,000	2.230,000	06/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	2.230,000	2.230,000	2.230,000	2.098,000			2.098,000		
I1	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân Liên khóm 4, 5 phường 7 thành phố Sóc Trăng	PT	2021-2025	Nhà làm việc liên khóm, hội trường,	25/10/2024	1.597,000	1.597,000	25/10/2024	1.597,000	1.597,000	1.597,000	1.597,000			1.597,000		
I2	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	tru sở 1 trệt, 2 lầu, nhà xe, hội trường và các HM khác	29/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.000,000	14.000,000	29/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.000,000	14.000,000	14.000,000	14.000,000			14.000,000		
III	Thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán											6.000,000			6.000,000		
IV	Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội: điều chỉnh tổng mức đầu tư											75.590,569			75.590,569		
V	Ngân sách thành phố đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Sóc Trăng											8,000			8,000		



Phụ lục II

PHẠCH SÁCH TƯ TRUNG HẠN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Nội lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bỏ trị đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố			Tăng (+)	Giảm (-)	
Tổng cộng													64.085,900		64.085,900
I Lĩnh vực Giao thông													14.931,000		14.931,000
1	Xây dựng đường dân sinh cấp bờ kè sông Maspéro phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến: 650 mét; Xây dựng 01 cầu giao thông...	2021-2025	Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	10.000,000	10.000,000	Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	10.000,000	10.000,000	10.000,000	9.931,000		9.931,000	
2	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspéro (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	L=658m, Hệ thống thoát nước; Bồn hơja, bó vĩa, Cầu tàu	2021-2025	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	14.950,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000		5.000,000	
II Lĩnh vực Quản lý Nhà nước													13.605,900		13.605,900
1	Cải tạo nâng cấp trụ sở Công an thành phố Sóc Trăng	P1	Hàng rào, bếp ăn và khu tập thể của cán bộ, chiến sĩ	2021-2025	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	722,000	722,000	Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	722,000	722,000	722,000	685,900		685,900	
2	Mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng thành Trụ sở Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng	P2	Thành ủy và các đoàn thể chính trị (5 tầng nổi và 01 tầng bán hầm) tổng diện tích 3.349m ² , thiết bị và các hạng mục	2021-2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/5/2022	64.740,000	12.920,000	Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	64.740,000	12.920,000	12.920,000	12.920,000		12.920,000	
III Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật													5.000,000		5.000,000
1	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	2021-2025	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	5.000,000	5.000,000	5.000,000		5.000,000	
IV Lĩnh vực Giáo dục													30.549,000		30.549,000
											30.549,000		30.549,000		



Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 đã phê duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-UBND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố		Tăng (+)	Giảm (-)	
1	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Mẫu giáo trên địa bàn TPST thành phố Sóc Trăng		Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Mẫu giáo các trường trên địa bàn thành phố	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	6.000,000	6.000,000				6.000,000			6.000,000
2	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Tiểu học trên địa bàn TPST thành phố Sóc Trăng		Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Tiểu học các trường trên địa bàn thành phố	2023-2025	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	13.699,000	13.699,000		Quyết định số 1883/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	13.669,000	13.669,000			13.699,000
3	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Sóc Trăng		Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối THCS trên địa bàn thành phố	2023-2025	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	10.850,000	10.850,000				10.850,000			10.850,000



Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGUYÊN KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI NĂM 2020 CHƯA SỬ DỤNG CHUYÊN SANG NĂM 2021
 GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021			Tăng (+)	Giảm (-)			
	Tổng cộng (01 dự án)				690,000	690,000	690,000	690,000	690,000	690,000	-	-	690,000				
1	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (01 dự án)				690,000	690,000	690,000	690,000	690,000	690,000	-	-	690,000				
1	Cải tạo 04 phòng học Trường Mẫu giáo Ân Xuân (điểm lẻ), thành phố Sóc Trăng	P8	Cải tạo 04 phòng học, nhà vệ sinh và sân đường thoát nước	2021-2025	Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	690,000	690,000	690,000	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	690,000	690,000	690,000	690,000	-	-	690,000	



Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN XỔ SỞ KIẾN THIẾT GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng				196.725,000	196.725,000	196.725,000	113.080,000	113.080,000	113.080,000	195.440,000	47.780,000	-1.700,000	241.520,000		
	Lĩnh vực Giáo dục				196.725,000	196.725,000	196.725,000	113.080,000	113.080,000	113.080,000	195.440,000	47.780,000	-1.700,000	241.520,000		
1	Xây dựng trường mẫu giáo Ến Xuân - thành phố Sóc Trăng	TPST	Xây dựng Khởi Hiệu bộ, khối 09 phòng học, nhà đa năng và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.900,000	14.900,000	14.900,000	14.900,000	14.900,000	14.900,000	14.900,000	-	14.900,000		
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học phường 1 - thành phố Sóc Trăng	P1	Khởi HC quán tri, 10 phòng học, phòng chức năng	2021-2025	Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	-	14.975,000		
3	Xây dựng trường Tiểu học phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	Khởi hành chính quán tri và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.950,000	14.950,000	14.950,000	14.835,000	14.835,000	14.835,000	14.835,000	-	14.835,000		
4	Mở rộng 20 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Sóc Trăng	P1	XD khối 20 phòng học	2021-2025	Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	14.500,000	14.500,000	14.500,000	14.500,000	14.500,000	14.500,000	14.500,000	-	14.500,000		
5	Xây dựng khởi hành chính quán tri trường THCS Lê Quý Đôn - thành phố Sóc Trăng	P4	XD khởi hành chính quán tri	2021-2025	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	5.255,000	5.255,000	5.255,000	5.255,000	5.255,000	5.255,000	5.255,000	-	5.255,000		
6	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Phú Lợi, phường 2 thành phố Sóc Trăng. Hàng mục: 6 phòng học	P2	XD khởi phòng, khởi HC quán tri	2021-2025	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 7/9/2021	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	-	14.975,000		
7	Cải tạo trường Trung học cơ sở Dương Kỳ Hiệp, phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	Cải tạo khởi phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	9.700,000	9.700,000	9.700,000	9.700,000	9.700,000	9.700,000	9.700,000	-120,000	9.580,000		



Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)		
8	Trường Mẫu giáo 1/6	P6	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	13.000,000	13.000,000	13.000,000	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	13.000,000	13.000,000	-	-	13.000,000		
9	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	10.940,000	10.940,000	10.940,000	Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	10.940,000	10.940,000	-	-	10.940,000		
10	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Lâm Thành Hưng, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P2	XD khối phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.950,000	14.950,000	14.950,000				-	-	14.950,000		
11	Xây dựng 15 phòng học trường tiểu học phường 10 - thành phố Sóc Trăng	P10	XD khối 15 phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	11.015,000	11.015,000	11.015,000						11.000,000		
12	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Lê Hồng Phong, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	XD khối 8 phòng học	2021-2025	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	8.500,000	8.500,000	8.500,000						8.500,000		
13	Cải tạo, nâng cấp trường TH Mạc Đĩnh Chi, trường TH Hùng Vương và trường TH Bạch Đằng thành phố Sóc Trăng	TPST	Cải tạo 3 điểm trường	2021-2025	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	13.800,000	13.800,000	13.800,000						13.800,000		
14	Cải tạo trường THCS Tôn Đức Thắng thành phố Sóc Trăng	P5	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	10.300,000	10.300,000	10.300,000						10.300,000		
15	Xây dựng trường THCS phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	15 phòng	2021-2025	Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.965,000	14.965,000	14.965,000						14.900,000		
16	Xây dựng trường Tiểu học Kim Đồng, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	(Hạng mục: 05 phòng học, 05 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác)	2021-2025	Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	10.000,000	10.000,000	10.000,000						10.000,000		

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 đã phê duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)			
17	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 3, lớp 7	2021-2025	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	9.580,000	9.580,000	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 09/09/2024	8.757,000	8.757,000	0,000	9.580,000	-1.580	8.000,000	
18	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 4, lớp 8	2025	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	9.600,000	9.600,000	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	39/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	9.491,000	9.491,000		9.600,000		9.600,000	
19	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 5, lớp 9	2025	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	9.600,000	9.600,000	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	34/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	8.907,000	8.907,000		9.600,000		9.600,000	
20	Trạm y tế phường 5 thành phố Sóc Trăng	PS	Khối nhà chính 1 trệt 1 lầu; nhà kho - bếp, nhà để xe...	2025	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/11/2024	5.000,000	5.000,000	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	44/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	4.546,000	4.546,000		5.000,000		5.000,000	
21	Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư cho ngân sách địa phương	P4	San lấp mặt bằng, đường giao thông dài 414m, đường N7, N8, D8, đường vào khu triển lãm và hội chợ	2025	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 19/11/2024	14.000,000	14.000,000	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	20/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	14.000,000	14.000,000		14.000,000		14.000,000	



Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VÀ NỀN TẢNG HỖ TRỢ TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TRUNG HẠN VÀ NỀN TẢNG HỖ TRỢ TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TRUNG HẠN VÀ NỀN TẢNG HỖ TRỢ TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: cân đối NS địa phương và thu tiền sử dụng đất	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: cân đối NS địa phương và thu tiền sử dụng đất			Tăng (+)	Giảm (-)			
	Tổng cộng						14.950,000	14.950,000	14.950,000	14.950,000	14.950,000	-	-	14.610,000			
	Lĩnh vực Giao thông																
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo hướng đến Trà Tim thành phố Sóc Trăng	TPST	l=1505M, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2021-2025	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	14.950,000	14.950,000	-	-	14.610,000			

Phụ lục VI

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TÍNH HỖ TRỢ TỪ NGUỒN THU XỬ LÝ TÀI SẢN NHÀ, ĐẤT CÔNG GIAO ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn hóa nhà	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn hóa nhà			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng					64.740,000	27.206,000		64.740,000	27.206,000			-	-	27.206,000	
	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước					64.740,000	27.206,000		64.740,000	27.206,000			-	-	27.206,000	
1	Mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng thành Trụ sở Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng	P2	Thành ủy và các đoàn thể chính trị (5 tầng nổi và 01 tầng bán hầm) tổng diện tích 3.349m ² , thiết bị và các hạng mục	2021-2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/5/2022	64.740,000	27.206,000	Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	64.740,000	27.206,000	27.206,000		-	-	27.206,000	

Phụ lục VII

BỘ SƯNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG ƯƠNG MÓN TẶNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt (tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020	Số Quyết định, ngày, tháng, ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng (01 dự án)					14.600,000	14.600,000	14.600,000		14.576,608	14.576,608	-	-	14.570,000		
I	Lĩnh vực Giao thông (01 dự án)					14.600,000	14.600,000	14.600,000		14.576,608	14.576,608	-	-	14.570,000		
I	Cải tạo, nâng cấp đường 30/4 (đoạn Lê Duẩn đến thị trấn Mỹ Xuyên) thành phố Sóc Trăng	TPST	l=2250m, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 6cm	2021-2022	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	14.600,000	14.600,000	14.600,000	Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	14.576,608	14.576,608	-	-	14.570,000		